

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/7/2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Sơn

2. Bà Đặng Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án Nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2023, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Trần Thị N – sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

***Bị đơn:** Anh Bùi Văn D – sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Trần Thị N có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án chị N có ý kiến như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn D có thời gian tìm hiểu với nhau được khoảng 06 tháng, đến năm 2001 thì cả hai tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có ĐKKH tại UBND xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên. Sau khi về sống chung với nhau, cuộc sống của vợ chồng chị có hạnh phúc khoảng 04 năm đầu. Sau đó giữa chị và anh D thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do anh D thường ăn nhậu về đánh đập chị rất nhiều lần. Đến năm 2019, vì không thể chịu đựng được tính vũ phu, không quan tâm đến gia đình, vợ con nên chị N bỏ đi làm thuê đến nay. Hiện chị và anh D không còn sống chung với nhau. Chị N nhận thấy tình cảm giữa chị và anh D thật sự không còn, hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

2/ Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung: Bùi Mỹ M – sinh năm 2001, hiện đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh Bùi Văn D để lấy lời khai; tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng anh D không đến Tòa án để làm việc.

*** Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn anh Bùi Văn D không thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N.

- Về con chung: Chị N và anh D có 01 con chung, hiện đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Bùi Văn D, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn anh Bùi Văn D có hộ khẩu tại thôn S, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Riêng bị đơn không thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Bùi Văn D có thời gian tìm hiểu, năm 2001 thì anh chị tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, nhưng đến ngày 13/12/2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 32. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa chị N và anh D hạnh phúc được 04 năm đầu, sau đó thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày là do anh D ăn chơi, về còn đánh đập chị nhiều lần. Nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với anh D nên chị N phải đi làm thuê ở xa để sinh sống. Chị N và anh D không còn sống chung với nhau đã nhiều năm nay. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân giữa chị và anh D không đem lại hạnh phúc nên chị N làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Quá trình giải quyết vụ án, anh D có biết việc chị N làm đơn yêu cầu xin ly hôn, tuy nhiên anh D không đến Tòa để làm việc.

Ngày 24/5/2023 Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã X, Huyện D, tỉnh Phú Yên. Qua kiểm tra trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và nơi anh D đăng ký hộ khẩu thường trú thì anh Bùi Văn D vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ: thôn S, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên nhưng anh D không có mặt ở tại địa phương. Hiện nay anh D sinh sống ở đâu, làm gì Công an xã không rõ vì anh D không thuộc đối tượng theo dõi, quản lý theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm giữa chị N và anh D thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh D là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị N và anh D có 01 con chung, hiện đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí HNGĐ - ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Bùi Văn D.

[2]. Về án phí HNGĐ-ST: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) theo biên lai số 0000839 ngày 28/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Phú Yên.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện D;
- UBND xã X;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Long